TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Thắng.

Ông Mạc Hoàng Nhủ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Tấn Thiên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 368/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã V, huyện P, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã V, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2024, cùng các văn bản kèm theo bà Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1998, bà Nguyễn Thị M và ông Trần Văn D thành hôn và chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh C ngày 05/6/2023. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, nguyên nhân do ông Trần Văn D ghen tuông vô cớ còn thường xuyên đánh bà. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên bà không thể đoàn tụ gia đình với ông Trần Văn D, nay bà cương quyết ly hôn với ông Trần Văn D và yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn ông Trần Văn D.

Về con chung: Có hai người tên là Trần Văn Đ (giới tính nam), sinh ngày 30/11/1999 và Trần Văn T (giới tính nam), sinh ngày 16/6/2001. Hiện Trần Văn Đ và Trần Văn T đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Văn D đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông Trần Văn D vẫn không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn D đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông Trần Văn D không cung cấp chứng cứ gì, ông Trần Văn D vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Bà Nguyễn Thị M xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 1998, bà Nguyễn Thị M và ông Trần Văn D chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm thường xuyên tranh cãi, ông D ghen tuông vô cớ và thường xuyên đánh đập bà M. Bà Nguyễn Thị M xác định không còn tình cảm dành cho ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị M cương quyết ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị M và ông Trần Văn D không

thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Trần Văn D đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Ông Trần Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, cho thấy ông Trần Văn D không mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình. Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị M, ông Trần Văn D không có ý kiến gì. Xét cho bà Nguyễn Thị M ly hôn với ông Trần Văn D là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có hai người tên là Trần Văn Đ (giới tính nam), sinh ngày 30/11/1999 và Trần Văn T (giới tính nam), sinh ngày 16/6/2001. Hiện Trần Văn Đ và Trần Văn T đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị M ly hôn với ông Trần Văn D.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị M đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003760 ngày 29/7/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Phú Tân;*
- *Chi cục THADS (khi có hiệu lực);*
- *Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);*
- *UBND xã V,*
huyện P, tỉnh C;
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu trữ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Ngọc Trọng